TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2024/HNGĐ-ST
Ngày 14/9/2024
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lâm Hạnh Quỳnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Triệu Thị Yên và bà Tưởng Thị Thu.

Thư ký Toà án: Bà Đồng Thị Ngọc Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự.

* *Nguyên đơn:* Chị Quân Thị D, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn TB, xã TM, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, (*vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*).

* *Bị đơn:* Anh Nông Tiến T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn LĐ, xã HP, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, (*vắng mặt lần 02, đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2024, nội dung bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Quân Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Quân Thị D và anh Nông Tiến T qua thời gian tìm hiểu tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại UBND xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang năm 2011 theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 90, quyển số: 01/2011 ngày 06 tháng 11 năm 2011. Sau khi kết hôn chị D và anh T chung sống tại thôn LĐ, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ

chồng thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc cho đến khoảng hai năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị D cho rằng do quan điểm và lối sống giữa chị và anh T không hòa hợp, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, anh T mải chơi không chịu khó làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi nhau từ những điều nhỏ nhặt nhất, chị D cùng các con đã về bên ngoại sinh sống, dần dần tình cảm vợ chồng không còn như trước. Chị D và anh T đã sống ly thân từ 2022 đến nay. Chị D xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Tiến T.

- Về con chung: Chị Quân Thị D và anh Nông Tiến T có hai con chung là Nông Tiến L, sinh ngày 03/02/2012 và Nông Tiến N, sinh ngày 12/9/2017. Sau khi ly hôn, chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tiến N, anh T sẽ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tiến L. Chị D và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Quân Thị D xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Quân Thị D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt giữ nguyên ý kiến, quan điểm về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung, chị D nêu quan điểm có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp việc kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải cho đến tại phiên tòa, bị đơn anh Nông Tiến T đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (mặc dù đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với bà Ma Thị Đ, địa chỉ tại thôn LĐ, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (là mẹ đẻ của anh Nông Tiến T); ông Hà Văn Tuân, công an viên thôn LĐ, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang và Công an xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xác định anh Nông Tiến T có hộ khẩu thường trú tại thôn LĐ, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tuy nhiên thực tế hiện nay anh T đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, bà Đ xác nhận thỉnh thoảng anh T có về thăm gia đình vào các dịp lễ tết và hiện nay không biết cụ thể địa chỉ tạm trú cũng như khi nào anh T mới trở về gia đình và địa phương. Theo bà Đ cho biết: Anh T và chị D qua tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào năm 2011 tại UBND xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh T và chị D về chung sống cùng gia đình nhà bố mẹ đẻ của anh T tại thôn LĐ, xã HP, huyện Chiêm Hóa. Cuộc sống của anh T và chị D ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì cho đến cuối năm 2015 đầu năm 2016, anh T và chị D đi làm ăn xa nhà, cho đến vài năm trở lại đây, chị D đã đưa con về nhà ngoại sinh sống và không sống chung cùng gia đình bà Đ nữa. Gia đình bà Đ được biết anh T và chị D có xảy ra mâu thuẫn, còn nguyên nhân mâu

thuẫn cụ thể là gì thì bà Đ không nắm được, chỉ xác định là hiện nay anh T và chị D không còn chung sống với nhau nữa, đã sống ly thân, hiện anh T đang làm việc, sinh sống ở đâu thì gia đình bà Đ không nắm được địa chỉ cụ thể, chỉ liên lạc được với anh T qua điện thoại. Bà Đ có nhận được văn bản của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa và cam kết thông báo cho anh Nông Tiến T biết về việc chị Quân Thị D có đơn xin ly hôn (thông tin qua điện thoại di động cho anh T).

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 14/8/2024 cháu Nông Tiến L, sinh ngày 03/02/2012 và cháu Nông Tiến N, sinh ngày 12/9/2017 cùng trình bày sau khi chị Quân Thị D và anh Nông Tiến T ly hôn nguyện vọng của các cháu mong muốn được mẹ là Quân Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điều 143, 144, 147 các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Quân Thị D, cho chị Quân Thị D được ly hôn với anh Nông Tiến T.

Về con chung: Giao các cháu Nông Tiến L, sinh ngày 03/02/2012 và cháu Nông Tiến N, sinh ngày 12/9/2017 cho chị Quân Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nông Tiến T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Quân Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Nông Tiến T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Quân Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Nông Tiến T; anh Nông Tiến T có hộ khẩu thường trú tại thôn LĐ, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Theo cung cấp của Công an xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang thì anh Nông Tiến T có hộ khẩu thường trú tại thôn LĐ, xã HP, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh T đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh T đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh T đến Tòa án để làm việc nhưng anh T vắng mặt không có lý do, anh T đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Quân Thị D vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến quan điểm như trong đơn khởi kiện, bị đơn anh Nông Tiến T vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Quân Thị D và anh Nông Tiến T là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TM, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu cho đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra nhiều cãi vã, không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống và hiện đã sống ly thân, chị D xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nông Tiến T.

Qua quá trình xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh T đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại các Biên bản xác minh ngày 16/7/2024 và ngày 31/7/2024 (BL 22, 24, 31) thấy rằng chị D và anh T đã sống ly thân, kể từ khi ly thân giữa chị D và anh T không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, do vậy giữa chị D và anh T không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quân Thị D, cho chị D được ly hôn anh Nông Tiến T.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung giữa chị Quân Thị D và anh Nông Tiến T có 02 con chung là cháu Nông Tiến L, sinh ngày 03/02/2012 và cháu Nông Tiến N, sinh ngày 12/9/2017. Sau khi ly hôn chị D có nguyện vọng là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Quá trình xác minh xác định hiện anh Nông Tiến T không có mặt tại gia đình và địa phương, đồng thời cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm ý kiến về quyền nuôi dưỡng con. Tại biên bản ghi ý kiến của các con chưa thành niên cháu Tiến L và cháu Tiến N có nguyện vọng được ở với chị D sau khi chị D và anh T ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng anh T hiện không có mặt tại gia đình và địa phương, không xác định được địa chỉ cụ thể của anh T, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T vẫn cố tình vắng mặt, không có văn bản hoặc ý kiến thể hiện quan điểm nguyện vọng về việc nuôi dưỡng các con chung sau khi ly hôn nên để đảm bảo cho quyền lợi về mọi mặt của cháu Tiến L và cháu Tiến N, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Nông Tiến L và cháu Nông Tiến N cho chị Quân Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Quân Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Nông Tiến T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Quân Thị D, cho chị Quân Thị D được ly hôn anh Nông Tiến T.

2. Về con chung: Giao cháu Nông Tiến L, sinh ngày 03/02/2012 và cháu Nông Tiến N, sinh ngày 12/9/2017 cho chị Quân Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Nông Tiến T không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền, nghĩa vụ được đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Quân Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng).* Chị D đã nộp 300.000^{đ} *(ba trăm nghìn đồng)* theo giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000001483099 ngày 15/7/2024 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000567 ngày 16/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh Nông Tiến T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện*
- *Chi cục THA Dân sự;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã TM (nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Lâm Hạnh Quỳnh